**A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ THI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I MÔN TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TL** | **TL** |  |
| 1 | **Chương I: Tập hợp các số tự nhiên** | Tập hợp | 2 |  |  |  |  |  | 0,5  0,25 |
| Cách ghi số tự nhiên | 1 |  |  |  |  |  |
|  |  | Phép cộng và phép trừ số tự nhiên | 0 |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Phép nhân và phép chia số tự nhiên | 0 |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Lũy thừa với số mũ tự nhiên | 0 |  |  |  |  | 1 | 0,5 |
|  |  | Thứ tự thực hiện phép tính | 1 |  |  |  | 2 |  | 4,25 |
| 2 | **Chương II: Tính chất chia hết trong tập hợp các số tự nhiên** | Quan hệ chia hết và tính chất | 1 |  |  |  |  |  | 0,25  0,25  1,25  0,25 |
| Số nguyên tố | 1 |  |  |  |  |  |
| Ước chung. Ước chung lớn nhất | 1 |  |  |  | 1 |  |
| Bội chung. Bội chung nhỏ nhất | 1 |  |  |  |  |  |
| 3 | **Chương IV: Một số hình phẳng trong thực tiễn** | Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều. | 0 |  |  |  |  |  | 0,5 |
| : Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân. | 2 |  |  |  |  |  |
|  |  | Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học | 2 |  |  |  | 1 |  | 2 |
| **Tổng** | | | **12** | |  | | **4** | **1** |  |
| **Tỉ lệ % điểm** | | | **30%** | |  | | **65%** | **5%** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **30%** | | | | **70%** | | **100** |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ THI KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN TOÁN -LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương / Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **Chương I: Tập hợp các số tự nhiên** | Tập hợp, Cách ghi số tự nhiên, thứ tự thực hiện phép tính, luỹ thừa với số mũ tự nhiên | **Nhận biết:**  - Sử dụng được các kí hiệu và cách diễn đạt toán học nhờ tập hợp.  - Mô tả được một tập hợp  - Nhận biết được số La Mã không quá 30. | **4(TNKQ)** |  |  |  |
| **Thông hiểu: -** Nắm được thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức; |  |  |  |  |
| **Vận dụng-** Tính được giá trị biểu thức số, biểu thức chữ bằng cách vận dụng các quy ước về thứ tự thực hiện các phép tính; |  |  | **2(TL)** |  |
| **Vận dụng cao:**– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số hữu tỉ. |  |  |  | **1(TL)** |
| 2 | **Chương II: Tính chất chia hết trong tập hợp các số tự nhiên** | Quan hệ chia hết và tính chất | **Nhận biết**- Tính chia hết của một tổng cho một số  - Hiểu và biết cách tìm các ước và bội của một số tự nhiên, biết cách sử dụng các kí hiệu ” , “https://sites.google.com/site/hoctoantrenmangonline/_/rsrc/1394979919541/hoc-toan-lop-6-tren-mang/phan-so-hoc-toan-lop-6/tinh-chat-chia-het-cua-mot-tong-dau-hieu-chia-het-cho-2-cho-5-cho-3-cho-9/KH%20k%20chia%20het.png ” |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** - Hiểu và biết cách tìm các ước và bội của một số tự nhiên, biết cách sử dụng các kí hiệu ” , “https://sites.google.com/site/hoctoantrenmangonline/_/rsrc/1394979919541/hoc-toan-lop-6-tren-mang/phan-so-hoc-toan-lop-6/tinh-chat-chia-het-cua-mot-tong-dau-hieu-chia-het-cho-2-cho-5-cho-3-cho-9/KH%20k%20chia%20het.png ” | **1** |  |  |  |
| Số nguyên tố | **Nhận biết:**  ***-*** Nhận biết được các khái niệm về số nguyên tố, hợp số và cách phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố.  - Nhận biết được một số nguyên tố, hợp số. | 1 |  |  |  |
| Ước chung. Ước chung lớn nhất, Bội chung. Bội chung nhỏ nhất | **Nhận biết:**  ***-*** Nhận biết được các khái niệm về ước chung, ước chung lớn nhất của hai hay nhiều số tự nhiên, nhận biết phân số tối giản và cách tìm chúng.  - Sử dụng được thuật ngữ bội chung, bội chung nhỏ nhất.  - Hiểu được khái niệm bội chung và bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số.. | 2TN |  |  |  |
| **Vận dụng:**  - Biết xác định ước chung, ước chung lớn nhất của hai hoặc ba số tự nhiên đã cho.  –- Vận dụng được khái niệm và cách tìm ƯCNN của hai hay ba số trong quy đồng mẫu các phân số và giải quyết một số vấn đề thực tiễn. |  |  | **1** |  |
| 3 | **Chương IV: Một số hình phẳng trong thực tiễn** | Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều | ***Thông hiểu*-** Nhận dạng các hình trong bài. |  |  |  |  |
| Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân. | ***Nhận biết* -** Nhận dạng các hình trong bài. | 1TN |  |  |  |
| ***Thông hiểu***  Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của chữ nhật | 1TN |  |  |  |
|  |  | Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học | ***Thông hiểu***  -Hiểu cách tính chu vi, diện tích của một số tứ giác đã học.  **Vận dụng: -** Học sinh biết cách sử dụng các công thức tính diện tích các hình đã học vào một số bài toán thiết kế trong thực tế. | 2 TN |  | **1** |  |